

Bản án số: 75/2019/HS-ST
Ngày: 20-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt - Chuyên viên phòng giáo dục

2. Ông Đặng Khoa Thi - Phó Bí thư thành đoàn Long Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Phú Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 đối với:

- Bị cáo: Huỳnh Văn H (tên gọi khác: T em), sinh ngày 10 tháng 5 năm 2002 tại An Giang; Nơi cư trú: khóm PQ, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Bạch T (tên gọi khác Nguyễn Thị T), sinh năm 1983; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha, mẹ tại phường ML, thành phố X.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày: 14 tháng 05 năm 2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1970; nơi cư trú: khóm PQ, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp làm thuê, là cha ruột của bị cáo Huỳnh Văn U (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Quang V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc T tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang (Có mặt).

- Bị hại: Em Lâm Việt T, sinh năm 2001; địa chỉ: đường S, khóm ĐT, phường ĐX, thành phố X, tỉnh An Giang (Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

Ông Lâm Hữu N, sinh năm 1975 (Có mặt)

Bà Trần Thị Thúy A, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường S, khóm DT, phường DX, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Em Trương Thành L, sinh năm 2002; địa chỉ: khóm TQ, phường MQ, thành phố X, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của em Trương Thành L:*

Ông Trương Nhựt L, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Bà Liêu Thị B, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm TQ, phường MQ, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Em Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 2003; địa chỉ: khóm A, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang (Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của em Phạm Thị Ngọc T:*

Ông Phạm Duy K, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1971 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: khóm A, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang.

3. Em Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 2003; địa chỉ: khóm PQ, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang (Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Thị Ái L:*

Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Việt A, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: khóm PQ, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang.

4. Em Nguyễn Thanh T, sinh năm 2004; địa chỉ: khóm PQ, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Thanh T:* Bà Mai Thị Hồng D; địa chỉ: khóm PQ, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Em Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2003; địa chỉ: đường NH, khóm A, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Ngọc A: Bà Mai Thanh T; địa chỉ: đường NH, khóm A, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

2. Nguyễn Châu Thanh P, sinh năm 2003; địa chỉ: đường BK, khóm PQ, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Châu Thanh P: Bà Nguyễn Thị Ngọc T; địa chỉ: đường BK, khóm PQ, phường ML, thành phố X, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

- Đại diện Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh An Giang: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: khóm K, phường MH, thành phố X, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Ngọc T (sinh ngày 04 tháng 6 năm 2003) và Nguyễn Thị Ái L (sinh ngày 01 tháng 01 năm 2003) là học sinh lớp 10A1 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh An Giang. Ngày 14 tháng 11 năm 2018, T vào lớp 10A1 trang điểm nên L góp ý dẫn đến việc T và L cự cãi, thách thức đánh nhau và hẹn gặp tại khu vực gần Bến xe X ở phường MQ, thành phố X giải quyết mâu thuẫn. Khoảng 16 giờ ngày 15 tháng 11 năm 2018, T rủ Lâm Việt T (sinh ngày 27 tháng 12 năm 2001) và Trương Thành L (sinh ngày 13 tháng 5 năm 2002) cùng đến điểm hẹn thì cả nhóm gặp L đang đứng với Nguyễn Thanh Th (sinh ngày 30 tháng 11 năm 2004), Nguyễn Ngọc A (sinh ngày 28 tháng 9 năm 2003), Nguyễn Châu Thanh P (sinh ngày 25 tháng 7 năm 2003), Nguyễn Vũ Thành P (sinh ngày 09 tháng 7 năm 2003), Huỳnh Văn H (sinh ngày 10 tháng 5 năm 2002) và Nguyễn Hoài S. Tại đây, T và L lớn tiếng cự cãi nhau thì Th cầm nón bảo hiểm đánh và ném vào tay của T. Lúc này, H cho rằng T nhìn H nên H cầm dao bằng kim loại, mũi nhọn, dài 50cm mang theo chém T. Thấy vậy, L đứng gần T đưa tay trái lên đỡ nên bị thương ở cẳng tay trái. Sau đó, T và L bỏ chạy theo hướng ra đường HĐ. H cầm dao đuổi theo T. T chạy vào khu vực đỗ xe ô tô núp phía sau xe ô tô bị H đuổi kịp chém nhiều nhát vào vùng đầu và tay trái của T gây thương tích. Khi H đuổi theo T thì Thương cũng cầm dao đuổi theo một đoạn rồi quay trở lại. Sau đó, những người trong nhóm của L bỏ đi thì T, L đưa T đến Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang điều trị đến ngày 19 tháng 11 năm 2018 ra viện.

Vật chứng thu giữ: 01 con dao dài 50cm do H giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra ngày 16 tháng 11 năm 2018.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 14/19/TgT ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang đối với Lâm Việt T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2001 xác định:

- Sẹo thái dương - đỉnh phải kích thước 06 x 0.5cm, bầm lún sọ thái dương - đỉnh phải điều trị nội khoa.

- Sẹo mặt lòng đến mặt lưng đốt xa ngón II bàn tay trái kích thước 02 x 0.1cm.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 11%.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, Huỳnh Văn H bị khởi tố bị can và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng sau đó H bỏ trốn nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định truy nã, đến ngày 14 tháng 5 năm 2019 thì H bị bắt giữ.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, ông Huỳnh Văn H (cha H) nộp 2.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để bồi thường thiệt hại do H gây ra.

Tại cáo trạng số 93/CT-VKS ngày 22/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H từ 09 (chín) tháng đến 01(một) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không nhận tiền bồi thường nên đề nghị xem xét trả lại cho ông H là ba của bị cáo số tiền 2.000.0000đ đã nộp vào kho bạc nhà nước.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội: 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 50 cm (đã qua sử dụng).

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo phạm tội có sự tác động bên ngoài, bị cáo không có mâu thuẫn với bị hại. Về trách nhiệm dân sự gia đình bị cáo cũng tự nguyện bồi thường tại phiên tòa bị hại và đại diện bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 91 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo 09 tháng tù.

Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại: Về trách nhiệm hình sự đề nghị xem xét theo quy định pháp luật nhằm răn đe phòng ngừa tình trạng bạo lực học đường hiện nay. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bồi thường.

Bị cáo Huỳnh Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; bị cáo nói lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa có mặt trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo và người đại diện của bị cáo, thành phần hội đồng xét xử có hội thẩm nhân dân công tác trong ngành giáo dục và đoàn thanh niên.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 xuất phát từ mâu thuẫn của T và L là bạn học cùng lớp, hẹn nhau ở khu vực bến xe X để giải quyết mâu thuẫn. L rủ A, A rủ bị cáo H đi

theo, bị cáo H đã vô cớ dùng dao là hung khí nguy hiểm, do bị cáo tự mang theo chém vào đầu và tay trái của bị hại Lâm Việt T gây thương tích cho T vị trí sọ thái dương - đỉnh phải kích thước 06 x 0.5cm, bề lún sọ thái dương - đỉnh phải điều trị nội khoa; sọ mặt lồng đến mặt lưng đốt xa ngón II bàn tay trái kích thước 02 x 0.1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11% do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này. Bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm, bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn nhưng vẫn sử dụng dao chém bị hại đây là tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ, đã gây thương tích cho bị hại tỷ lệ thương tật 11%, đây là tình tiết định khung theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với L và A khi rủ H đi theo không bàn bạc việc đánh nhau chỉ nói đến nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, không bàn bạc việc mang dao theo, bị cáo H mang dao theo L, Ánh không biết nên chưa đủ căn cứ xem xét trách nhiệm của L và A.

Đối với Nguyễn Hoài S, bị cáo H khai không rủ S đuổi theo chém T và L, hiện Thương không rõ ở đâu nên Cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ xử lý sau là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với thương tích của L chỉ là thương tích nhẹ nên ông L, bà B là cha mẹ của L không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Đối với T bị Th cầm nón bảo hiểm đánh, ném trúng tay nhưng chỉ bị thương tích nhẹ nên ông K, bà H là cha mẹ của T không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra không khởi tố là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong nhân dân, nhất là những người đang ở các nhà trọ trên địa bàn, hành vi của bị cáo xâm phạm sức khỏe, danh dự nhân phẩm của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo, tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn đây là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo và mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Huỳnh Văn H** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào:

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47, Điều 54; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Văn H** **01 (một)** năm tù

Thời hạn tù tính từ ngày: 14/5/2019.

[2] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 50 cm (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án Dân sự thành phố X ngày 26/7/2019).

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Trả lại cho ông Huỳnh Văn H 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo giấy nộp tiền số 19 ngày 04/6/2019 của Kho bạc nhà nước An Giang.

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa của bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người

được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Công an TPLX;
- THA DS TPLX;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc Việt